TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 - Đ** **TỈNH Đ** Bản án số: 63/2025/DS-ST. Ngày: 30 - 9 - 2025. V/v tranh chấp về dân sự hợp đồng trao đổi tài sản.	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - Đ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê M
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Huỳnh Văn Q
2. Ông Trần Văn U

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương X S, thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 - Đtham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Thanh K - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30/9/2025, tại Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Đxét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 82/2024/TLST–DS, ngày 05 tháng 3 năm 2024, về việc"Tranh chấp dân sự về hợp đồng trao đổi tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 150/2025/QĐXXST-DS, ngày 03 tháng 9 năm 2025, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị K, sinh năm 1962.

Địa chỉ hiện nay: , ấp X, xã T, huyện Vò, tỉnh Đnay là xã Mỹ An Hưng, tỉnh Đ.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Hữu K, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Số 291, đường D, tổ 18, ấp Z, xã H, thành phố C , tỉnh Đnay là khóm Z, phường C , tỉnh Đ.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1955.

Địa chỉ: Số 291, đường D, tổ 18, ấp Z, xã H, thành phố C , tỉnh Đnay là khóm Z, phường C , tỉnh Đ.

2. Ông Nguyễn Thanh Q, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Số 291, đường D, tổ 18, ấp Z, xã H, thành phố C , tỉnh Đ nay là khóm Z, phường C , tỉnh Đ.

3. Ông Nguyễn Hữu X, sinh năm 1973

Địa chỉ: tổ 18, ấp Z, xã H, thành phố C , tỉnh Đnay là nay là khóm Z, phường C , tỉnh Đ.

4. Ông Nguyễn Hữu L, sinh năm 1976

Địa chỉ: Số 434, đường Rạch Ông Đại, ấp B, xã G, huyện U, tỉnh Đnay là xã G, tỉnh Đ.

5. Ông Nguyễn Hữu H, sinh năm 1978

Địa chỉ: đường D, tổ 18, ấp Z, xã H, thành phố C , tỉnh Đnay là khóm Z, phường C , tỉnh Đ.

6. Ông Nguyễn Hữu C, sinh năm 1983

Địa chỉ: Khu dân cư 11, ấp 3, xã M, huyện R, tỉnh T.

7. Bà Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1988

Địa chỉ: Số 291, đường D, tổ 18, ấp Z, xã H, thành phố C , tỉnh Đnay là khóm Z, phường C , tỉnh Đ.

8. Ông Nguyễn Ngọc D, sinh năm 1962

Địa chỉ: , ấp X, xã T, huyện V, tỉnh Đ.

Bà Lê Thị K, ông Nguyễn Ngọc D có mặt; Ông Nguyễn Hữu C có đơn xin vắng mặt; Bị đơn và các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện của bà Lê Thị K trình bày:

Vào ngày 28/4/2012, ông Nguyễn Văn C là cha của ông Nguyễn Hữu K có hỏi mua của bà K là 10 tấm tôn để sử dụng. Ban đầu bà K không đồng ý bán nhưng bà K có nói với ông C nếu ông muốn sử dụng 10 tấm tôn này thì bà K và ông C đổi phần đất ở bờ sông của ông C để làm quán và được ông C đồng ý. Sau đó khi thỏa thuận xong ông C kéo tất cả 10 tấm tôn, mỗi tấm dài 9 mét về nhà để sử dụng và giao phần diện tích đất đã thỏa thuận cặp đường D với chiều dài 15m, rộng 9m của ông C cho bà K quản lý sử dụng nhưng với điều kiện là chừa lại 6,8m và bà K đồng ý. Bà K đề nghị với ông C lập một thỏa thuận với giao dịch này và ông C đã đồng ý nhưng sau khi lập văn bản thỏa thuận xong ông C lại không chịu ký vào với lý do con ông hiện nay chưa về đông đủ nên chưa ký được, ông C hứa khi nào con ông về đủ thì ông C sẽ ký vào vì tin tưởng vào ông C nên bà K cũng đồng ý chờ. Trong thời gian chờ ông C ký vào thỏa thuận, bà K có tiến hành làm bờ kè cải tạo lại diện tích đất tổng chi phí cải tạo lại đất và 10 tấm tole, tổng cộng 21.968.000 đồng. Cụ thể: Vào ngày 28/4/2012, bà K và ông Nguyễn Văn C (chết) thỏa thuận, bà K giao cho ông C 10 tấm tole (không nhớ loại tole, tole sóng vuông, chiều ngang 01, chiều dài 09 mét), ông C giao cho K đất cặp đường D chiều dài cặp đường D 15 mét, chiều rộng Hh từ mé đường D ra sông 09 mét, trong đó chừa phần nhà do ông C đã cho ông Đông cất tiệm sửa xe chiều ngang 6,8 m (cặp đường D), chiều dài không tới 09 mét). Việc thỏa thuận này có lập văn bản giao cho ông C để ông C và vợ con ông C ký tên, nhưng ông C nói chờ người con này đến người con khác ký tên, cuối cùng không ký tên.

Ngày 28/4/2012, bà K giao cho ông C 10 tấm tole (chiều ngang 01 mét, chiều dài 09 mét). Bà K mua tole năm 2008, 10 tấm tole, giá mua khoảng 100.000 đồng/ m^2, một tấm tole là 09 m^2 trị giá tương đương số tiền 900.000 đồng. Ông C có giao cho K diện tích đất (chiều dài 15 mét x chiều ngang 09 mét). Hiện trạng đất thời điểm đổi là không còn đất, đã lỡ hết đất tới mé đường D, mé đường thì còn hàng cây me tây (cách mé đường hiện tại khoảng 09 mét).

Sau khi nhận đất, bà K tiến hành các công việc cụ thể như sau:

Hàng cọc thứ 1: Thuê đóng cọc tre (nguyên cây) tại vị trí mé đường hiện tại ra 09 mét, không nhớ bao nhiêu cây tre, đóng một hàng cọc tre;

Hàng cọc thứ 2: Từ hàng cọc tre này, trở vào đất liền khoảng 03 mét đóng hàng cọc tre (chiều dài nửa cây tre) để kéo dây cố định hàng cọc tre ngoài, không nhớ bao nhiêu cây tre;

Hàng cọc thứ 3: Từ hàng cọc tre thứ hai trở vào đất liền khoảng 03 mét đóng hàng cọc tre (chiều dài nửa cây tre) để kéo dây cố định hai hàng rào ngoài.

Mua tre của ông Thúc lần thứ nhất là 3.400.000 đồng và lần thứ bai 2.600.000 đồng, tổng cộng tiền tre 6.000.000 đồng, chi phí nhân công tổng cộng 8.000.000 đồng, tổng cộng 14.000.000 đồng. Tiền tre và tiền nhân công là 14.000.000 đồng nhưng làm bờ kè cho đất bà K đổi với ông C và đất ông Tảo cho K thuê thời hạn 5 năm (cặp đất ông C), do đó, mỗi bên ½ chi phí là 7.000.000 đồng.

Tiền san lắp: Thuê xe cẩu múc đất giữa lòng sông đắp vào khu vực đất đã đóng hàng rào tre trên đất ông C, san lắp 400 gào đất, mỗi gào 700.000 đồng, tổng thành tiền 2.800.000 đồng (hai triệu tám trăm nghìn đồng).

Thuê nhân công ba ngày, mỗi ngày 05 người, mỗi người 200.000 đồng, chi phí 3.000.000 đồng (ba triệu đồng).

Tiền máy ép cọc tre là 1.000.000 đồng;

Khi hàng cọc đã đóng xong thì thuê nhân công và máy nẹp cố định hàng cọc tre lại, cố định bằng máy do đó tiền công là 600.000 đồng.

Tiền mua dây chì 04 ký, giá 27.000 đồng/ký để cột đầu hàng rào tre để giữ cố định;

Sắt phi 8: 40kg x 19.000 đồng = 760.000 đồng để cố định ba hàng rào;

Vỏ bao xi măng + nilon = 2.000.000 đồng để tấn hàng rào phía ngoài để san lắp đất không bị mất đất.

10 tấm x 60.000 đồng/1m^2 = 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng);

Tổng cộng 23.268.000 đồng, do Hh toán sai thành 21.968.000 đồng nay thống nhất số tiền 21.968.000 đồng.

Nay bà K yêu cầu: Buộc anh Nguyễn Hữu K (con ông C), ông Nguyễn Thanh Q (con ông C) và bà Nguyễn Thị Y (vợ ông C) là người thừa kế hưởng tài sản của ông Nguyễn Văn C có nhiệm vụ phải trả cho bà K số tiền 21.968.000 đồng, Hh lãi 0,83% tháng, từ ngày 08/4/2015 đến 18/01/2024 là 105 tháng x 182.326 đồng = 19.144.230 đồng và tiếp tục yêu cầu Hh lãi 0,83%/tháng từ ngày 19/01/2024 đến khi kết thúc vụ án.

Tại phiên tòa bà Lê Thị K yêu cầu:

. Hàng thừa kế của ông Nguyễn Văn C gồm: Bà Nguyễn Thị Y, ông Nguyễn Thanh Q, ông Nguyễn Hữu K, ông Nguyễn Hữu X, ông Nguyễn Hữu L, ông Nguyễn Hữu H, ông Nguyễn Hữu C và bà Nguyễn Ngọc L có trách nhiệm liên đới trả cho bà Lê Thị K 10 tấm tole trị giá số tiền 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng) và chi phí san lắp 15.968.000 đồng.

. Và trả tiền lãi từ ngày 08/4/2015 đến ngày 08/9/2025, mức lãi 0,83%/tháng, số tiền 31.875.000 đồng.

- Ông Nguyễn Hữu K trình bày:

Cha ông Nguyễn Hữu K là ông Nguyễn Văn C (chết năm 2016) và mẹ tên Nguyễn Thị Y, ông Nguyễn Thanh Q là anh ruột của ông K. Hiện nay, ông Nguyễn Hữu K sống với bà Y.

Ông Nguyễn Hữu K không biết vấn đề giữa bà K và ông Nguyễn Văn C thỏa thuận, bà K giao cho ông C 10 tấm tole (không nhớ loại tole, tole sóng vuông, chiều ngang 01 mét, chiều dài 09 mét), ông C giao cho bà K đất cặp lộ D chiều dài căp lộ D 15 mét, chiều rộng Hh từ mé đường lộ D ra sông 09 mét, trong đó chừa phần nhà do ông C đã cho ông Đông cất tiệm sửa xe chiều ngang 6,8 (cặp lộ D), chiều dài không tới 09 mét) như bà K trình bày.

Ông Nguyễn Hữu K không biết việc bà K có giao cho ông C 10 tấm tole. Trước đây, ông K có thấy một hàng rào cây tre (dưới sông D), không biết bao nhiêu cây, không biết bao nhiêu mét và không biết ai làm, hàng rào tre này đã bị nước xoáy mòn, hiện nay không còn, không thấy bà K san lắp mặt bằng trên phần đất cặp bờ sông trước nhà ông C.

Anh Q không có sử dụng tole của bà K để cất nhà cho anh Q.

Nay ông K không đồng ý các yêu cầu của bà K.

- *Ông Nguyễn Hữu C ý kiến:*

Cha ông Nguyễn Hữu C tên Nguyễn Văn C (1950-2016), mẹ tên Nguyễn Thị Y, sinh năm 1955, đang sinh sống tại ấp Z, xã H, thành phố C , tỉnh Đnay là khóm Z, phường C , tỉnh Đ. Ông C và bà Y có các con: Nguyễn Thanh Q, ông Nguyễn Hữu K, ông Nguyễn Hữu X, ông Nguyễn Hữu L, ông Nguyễn Hữu H, ông Nguyễn Hữu C, bà Nguyễn Ngọc L.

Ngày 28/4/2012, ông C cùng vợ về huyện R, tỉnh T sinh sống nên không biết và cũng không được nghe việc ông C và bà K thoả thuận trao đổi tài sản và cũng như việc bà K có đầu tư xây dựng công trình gì trên đất. Nay bà K yêu cầu ông K, ông Q và bà Y liên đới trả tiền. Ông C không có ý kiến hay yêu cầu gì trong vụ án này.

- *Bà Nguyễn Thị Y và các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Không có văn bản ý kiến nộp cho tòa án.

- *Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:*

V**ề việc tuân theo pháp luật tố tụng**

. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán

Quá trình giải quyết vụ việc của Tòa án đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về: Xử lý đơn khởi kiện (Điều 191, Điều 195 của Bộ luật tố tụng dân sự), xác định quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết (Điều 26, Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự), xác định tư cách đương sự (Đúng quy định tại Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự), việc cấp tống đạt các thông báo, quyết định của Toà án (Điều 171 của Bộ luật tố tụng dân sự), thủ tục tiếp cận công khai chứng cứ và tiến hành hòa giải (Điều 208, 209, 210, 211 của Bộ luật tố tụng dân sự), thời hạn chuẩn bị xét xử (Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự), xác định quan hệ tranh chấp đúng theo quy định pháp luật.

Đối với việc xác định quan hệ tranh chấp: Toà án xác định Hợp đồng trao đổi là không đúng quy định mà phải xác định là tranh chấp Đòi lại tài sản và thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại.

. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa

Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng

Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng đúng theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

. Về việc giải quyết vụ án

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị K.

Buộc ông Nguyễn Hữu K, Nguyễn Thanh Q, bà Nguyễn Thị Y, Nguyễn Hữu X, Nguyễn Hữu L, Nguyễn Hữu H, Nguyễn Hữu C, Nguyễn Ngọc L là người thừa

kế hưởng tài sản của ông Nguyễn Văn C có nghĩa vụ liên đới phải trả cho bà K 10 tấm tol đã nhận trong phạm vi di sản do ông C để lại bằng giá trị với số tiền 6.000.000đ (sáu triệu đồng).

Án phí và chi phí thẩm định: Đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên toà, các đương sự không xuất trình tài liệu, chứng cứ mới cho Hội đồng xét xử xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Do ông Nguyễn Hữu K, bà Nguyễn Thị Y, ông Nguyễn Thanh Q, ông Nguyễn Hữu X, ông Nguyễn Hữu L, ông Nguyễn Hữu H và bà Nguyễn Ngọc L vắng mặt không lý do. Ông Nguyễn Hữu C có văn bản đề nghị vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền: Theo đơn khởi kiện của bà Lê Thị K tranh chấp hợp đồng trao đổi tài sản. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngày 01/7/2025, Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Đđược thành lập. Căn cứ theo quy định tại Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ C hội về việc thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định về phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực và Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP, ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của Tòa án nhân dân. Do đó, Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Đtiếp tục giải quyết vụ án nêu trên là đúng thẩm quyền theo quy định tại Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ C hội và Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP, ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

[3]. Về nội dung:

Xét yêu cầu của bà Lê Thị K yêu cầu hàng thừa kế của ông Nguyễn Văn C (hàng thừa kế của ông Nguyễn Văn C gồm: Bà Nguyễn Thị Y, ông Nguyễn Thanh Q, ông Nguyễn Hữu K, ông Nguyễn Hữu X, ông Nguyễn Hữu L, ông Nguyễn Hữu H, ông Nguyễn Hữu C và bà Nguyễn Ngọc L) trả số tiền 21.968.000 đồng (gồm: 10 tấm tole trị giá số tiền 6.000.000 đồng và chi phí san lấp số tiền 15.968.000 đồng).

Vào ngày 28/4/2012, bà K và ông Nguyễn Văn C (chết) thỏa thuận, bà K giao cho ông C 10 tấm tole (tole sóng vuông, chiều ngang 01 mét, chiều dài 09 mét), ông C giao cho bà K diện tích đất chiều dài cặp đường D 15 mét, chiều ngang từ mí đường D ra một phần kênh D 09 mét, toạ lạc khóm Z, phường C , tỉnh Đ. Việc thỏa thuận đổi đất và 10 tấm tole hai bên không có lập văn bản, tại biên bản hòa giải của Ủy ban nhân dân xã H, thành phố C tỉnh Đbà K yêu cầu ông C trả 10 tấm tole, ông C không đồng ý.

Bà K cho rằng ông Nguyễn Thanh Q (con ông Rươu) sử dụng 10 tấm tole của bà K nhưng bà K không có chứng cứ chứng minh ông Q sử dụng tole của bà K. Ông Q trình bày *(tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 07/6/2024)* không có sử dụng 10 tấm tole của bà K. Ông K cho rằng không biết việc trao đổi tài sản giữa bà K với ông C, không biết 10 tấm tole. Bà K và ông K xác nhận không biết

hiện nay ai sử dụng 10 tấm tole. Do 10 tấm tole không còn nên Tòa án không tiến hành định giá tài sản được. Tại biên bản hòa giải ngày 08/11/2015 của Ủy ban nhân dân xã H, ông C thừa nhận có nhận tole của bà K, bà K trị giá 10 tấm tole số tiền 6.000.000 đồng, ông C cũng biết 10 tấm tole do bà K trị giá 6.000.000 đồng nhưng ông Rượu không đồng ý giá tiền và không đồng ý trả tiền cho bà K. Do đó, xác định giá trị 10 tấm tole trị giá số tiền 6.000.000 đồng. Nay bà K yêu cầu trả lại số tiền 6.000.000 đồng có căn cứ chấp nhận. Do hàng thừa kế của ông Nguyễn Văn C vắng mặt nên không xác định ông C có để lại di sản gì, do người nào hưởng di sản, do đó, buộc hàng thừa kế của ông Nguyễn Văn C có trách nhiệm liên đới trả cho bà K số tiền 6.000.000 đồng là phù hợp.

Xét yêu cầu trả chi phí san lắp mặt bằng: Theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 07/6/2024 và ngày 12/11/2024 thể hiện tài sản còn vài cọc tre, không có ai sử dụng. Ngoài ra không còn tài sản nào khác. Diện tích đất trao đổi gồm ba phần, khi xem xét, thẩm định thực tế: Diện tích đất trong phạm vi các mốc 8, 7, 2, 1, 8 - đất vỉa hè đường D; Diện tích đất trong phạm vi các mốc 7, 6, C, B, 3, 2, 7 - đất cặp sông đường D; Diện tích đất trong phạm vi các mốc 6, 5, 4, 3, B, C, 6 – một phần sông D.

Theo công văn số 447, ngày 19/02/2025 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố C nay là Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Khu vực XVIII , thì các diện tích đất trên không có thông tin chủ sử dụng và chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Theo công văn của Ủy ban nhân dân xã H, thành phố C nay là phường C , tỉnh Đthì: Diện tích đất trong phạm vi các mốc 8, 7, 2, 1, 8 - đất vỉa hè đường D các hộ dân đã đồng ý hiến để làm vỉa hè và được tách ra từ một phần của thửa 849 mục đích sử dụng là đất giao thông; Diện tích đất trong phạm vi các mốc 7, 6, C, B, 3, 2, 7 - đất cặp sông đường D chưa được cấp cho tổ chức hay cá nhân nào và được tách ra từ một phần của thửa 849 mục đích sử dụng là đất giao thông; Diện tích đất trong phạm vi các mốc 6, 5, 4, 3, B, C, 6 hiện trạng là kênh Đông D nên thuộc quyền quản lý của Nhà nước.

Diện tích đất trao đổi không phải đất thuộc quyền sử dụng đất của ông C nhưng bà K và ông C tự thỏa thuận trao đổi đất và 10 tấm tole. Bà K tự đầu tư san lắp mặt bằng vị trí từ mí bờ đất ra một phần kênh D, mặt bằng san lắp chưa xong và chưa xây dựng công trình, vật kiến trúc trên mặt bằng thì bà K không tiếp tục xây dựng. Theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ thể hiện còn vài cọc tre, ngoài ra đất san lắp, vỏ bao xi măng, nilon, sắt phi, dây chì để tấn hàng rào phía hiện nay không còn. Bà Lê Thị K có nộp tờ cam kết của các người làm chứng: Nguyễn Văn Hoạch (bản photo), Nguyễn Văn C (bản photo), Đỗ Văn Việt (bản photo), Đỗ Văn Sang (bản photo), đơn xác nhận của Trần Văn Thúc (bản chính), tờ cam kết của Lê Thị Tuyết Hằng (bản chính), đơn xin xác nhận ngày 24/8/2024 của Nguyễn Văn Tân Em, đơn xin xác nhận ngày 24/8/2024 của Nguyễn Văn Lâm, đơn xin xác nhận ngày 31/7/2024 của Hà Thanh Hiếu là xác nhận cho rằng những người này đã thực hiện việc đóng cọc và san lấp, bà K không cung cấp được chứng cứ nào khác cho việc xây dựng trên, tại biên bản hoà giải ngày 08/11/2015 của Ủy ban nhân dân xã Hoà An bà K không có nội dung về việc chi phí đóng cọc và san lấp như lời trình của bà, bên cạnh đó phía gia đình ông C cũng không thừa nhận việc này và cũng không sử dụng tài sản này của bà K nên không có cơ sở chấp nhận.

Xét yêu cầu trả tiền lãi từ ngày 08/4/2015 đến ngày 08/9/2025 số tiền 31.875.000 đồng, mức lãi 0,83%/tháng. Bà K trình bày do ông C không trả tiền cho bà K nên bà K vay tiền Ngân hàng và phải đóng lãi để xây dựng nhà mới, lời trình bày của bà K không phù hợp nên không chấp nhận yêu cầu trả tiền lãi.

Xét ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 - Đcó căn cứ chấp nhận.

Từ phân tích trên, chấp nhận một phần yêu cầu của bà Lê Thị K. Buộc hàng thừa kế của ông Nguyễn Văn C, gồm: Bà Nguyễn Thị Y, ông Nguyễn Thanh Q, ông Nguyễn Hữu K, ông Nguyễn Hữu X, ông Nguyễn Hữu L, ông Nguyễn Hữu H, ông Nguyễn Hữu C và bà Nguyễn Ngọc L có trách nhiệm liên đới trả cho bà K 10 tấm tole, trị giá số tiền 6.000.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị K yêu cầu trả số tiền chi phí san lắp 15.968.000 đồng và tiền lãi 35.875.000 đồng.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Yêu cầu của bà Lê Thị K được chấp nhận một phần nên không phải chịu án phí, phần yêu cầu không được chấp nhận phải chịu án phí nhưng bà Lê Thị K được miễn nộp tạm ứng án phí, án phí (có đơn xin miễn nộp) nên Hội đồng xét xử miễn án phí cho bà K.

Hàng thừa kế của ông Nguyễn Văn C gồm: Bà Nguyễn Thị Y, ông Nguyễn Thanh Q, ông Nguyễn Hữu K, ông Nguyễn Hữu X, ông Nguyễn Hữu L, ông Nguyễn Hữu H, ông Nguyễn Hữu C và bà Nguyễn Ngọc L có trách nhiệm liên đới chịu án phí theo quy định pháp luật.

Về chi phí tố tụng (xem xét, thẩm định tại chỗ) số tiền 2.477.000 đồng bà Lê Thị K chịu (đã nộp và chi xong).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 455, Điều 615 của Bộ Luật dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ C hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ C hội và Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP, ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Lê Thị K. Buộc hàng thừa kế của ông Nguyễn Văn C gồm: Bà Nguyễn Thị Y, ông Nguyễn Thanh Q, ông Nguyễn Hữu K, ông Nguyễn Hữu X, ông Nguyễn Hữu L, ông Nguyễn Hữu H, ông Nguyễn Hữu C và bà Nguyễn Ngọc L có trách nhiệm liên đới trả cho bà Lê Thị K số tiền 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số

tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Không chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị K yêu cầu trả chi phí san lắp số tiền 15.968.000 đồng và tiền lãi 35.875.000 đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lê Thị K được miễn nộp tạm ứng án phí, án phí (có đơn xin miễn nộp) nên Hội đồng xét xử miễn án phí cho bà K.

Hàng thừa kế của ông Nguyễn Văn C gồm: Bà Nguyễn Thị Y, ông Nguyễn Thanh Q, ông Nguyễn Hữu K, ông Nguyễn Hữu X, ông Nguyễn Hữu L, ông Nguyễn Hữu H, ông Nguyễn Hữu C và bà Nguyễn Ngọc L có trách nhiệm liên đới phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 300.000 đồng.

Về chi phí tố tụng (xem xét, thẩm định tại chỗ) số tiền 2.477.000 đồng bà Lê Thị K chịu (đã nộp và chi xong).

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.